

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 594/2001/QĐ-TCHQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung giá tối thiểu các mặt hàng không thuộc danh mục mặt hàng nhà nước quản lý giá

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

*Căn cứ thẩm quyền và nguyên tắc xác định giá tính thuế hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu quy định tại Điều 7 Nghị định 54/CP ngày 28 tháng 8 năm 1993 của Chính phủ;
Căn cứ Thông tư 172/1998/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 54/CP ngày 28 tháng 8 năm 1993 của Chính phủ;
Căn cứ Thông tư 82/1997/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 1997; Thông tư số 92/1999/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 1999 của Bộ Tài chính quy định thẩm quyền ấn định giá tính thuế của Tổng cục Hải quan;
Căn cứ Điều 3 Quyết định số 177/2001/QĐ-TCHQ ngày 14 tháng 3 năm 2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;
Xét đề nghị của ông Cục trưởng Cục Kiểm tra thu thuế xuất nhập khẩu.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Điều chỉnh giá tối thiểu một số mặt hàng quy định tại bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 177/2001/QĐ-TCHQ ngày 14 tháng 3 năm 2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan và bổ sung giá tối thiểu các mặt hàng phát sinh ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2: Giá tối thiểu các mặt hàng điều chỉnh tại quyết định này thay thế giá tối thiểu các mặt hàng cùng loại quy định tại bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số

177/2001/QĐ-TCHQ ngày 14 tháng 3 năm 2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các ông Cục trưởng Cục Kiểm tra - Thu thuế XNK, Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

(Đã ký)

Lê Mạnh Hùng

**BẢNG GIÁ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH
SỐ 177/2001/QĐ-TCHQ NGÀY 14/3/2001**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 594 ngày 29 tháng 6 năm 2001 của Tổng cục trưởng Tổng cục hải quan)

Tên hàng	ĐVT	Giá tính thuế (USD)
CHƯƠNG 4		
* Huỷ bỏ khung giá sữa bột thành phẩm qui định tại bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 177/2001/QĐ-TCHQ.		
* Sữa bột thành phẩm:		
+ Do các nước ngoài Trung Quốc sản xuất:		
- Loại đóng trong hộp, lon kim loại	kg	3,50
- Loại đóng trong bao bì khác	kg	3,00
+ Do Trung Quốc sản xuất tính bằng 70% khung giá trên		
* Sữa loại khác:		
+ Sữa bột gầy nguyên liệu	kg	2,00
+ Sữa bột nguyên liệu khác	kg	1,80

CHƯƠNG 7		
* Đậu Hà lan khô	kg	2,00
CHƯƠNG 11		
* Tinh bột sắn	tấn	170,00
CHƯƠNG 15		
* Dầu thực vật khác:		
+ Loại thô	tấn	540,00
+ Loại đã tinh chế	tấn	750,00
CHƯƠNG 17		
* Kẹo cao su	kg	2,80
* Bánh Chocolate (kể cả loại pha Chocolate):		
+ Do Hàn quốc sản xuất	kg	1,80
+ Do các nước khác sản xuất	kg	2,50
* Các loại bánh nêu trên đựng trong hộp giấy, hộp nhựa, bao ni lon tính bằng 80% khung giá trên.		
CHƯƠNG 19		
* Ca cao có đường, không sữa	kg	2,50
* Thức ăn chế biến từ sữa	kg	1,20
CHƯƠNG 20		
* Chất Protein đã được làm rắn từ đậu nành dùng làm thực phẩm chay	kg	0,90
CHƯƠNG 21		
* Mì chính (bột ngọt) do các nước sản xuất (trừ Trung Quốc sản xuất)		
+ Loại đã đóng trong bao bì dưới 25 kg	tấn	1.300,00
+ Loại đã đóng trong bao bì từ 25 kg trở lên tính bằng 80% loại trên		